

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ Y TẾ

Số: 499/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 03 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ



Căn cứ Thông tư 43/2013/TT-BYT, ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-UBND, ngày 17/06/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Căn cứ Tờ trình số 206/TTr-BV ngày 01/03/2016 của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ về việc xin phê duyệt danh mục kỹ thuật thực hiện tại bệnh viện;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ gồm 1.899 loại kỹ thuật, thủ thuật (có danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại Điều 1 là cơ sở để triển khai các hoạt động trong khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ, làm cơ sở để thanh quyết toán Bảo hiểm y tế với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định phê duyệt Danh mục kỹ thuật, thủ thuật trước đây. Các ông (bà) Trưởng các phòng thuộc Sở, Chánh thanh tra Sở, Chánh văn phòng Sở, Giám đốc Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- GD, các PGD Sở (để b/c);
- BHXH tỉnh (để phối hợp t/h);
- Lưu: VT-NVYv.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Ngọc

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN TỈNH PHÚ THỌ
(1.899 kỹ thuật)

(Ban hành kèm theo quyết định số 499/QĐ-SYT ngày 25/3/2016 của Giám đốc Sở y tế Phú Thọ)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1.	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường $\leq$ 8 giờ	x	x	x	
2.	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3.	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục $\leq$ 8 giờ	x	x	x	
4.	4	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
5.	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
6.	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x	
7.	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
8.	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
9.	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giư-ờng	x	x	x	
10.	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường $\leq$ 8 giờ	x	x	x	x
11.	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
12.	39	Hạ huyết áp chỉ huy $\leq$ 8 giờ	x	x	x	
13.	51	Hồi sức chống sốc $\leq$ 8 giờ	x	x	x	x

		B. HÔ HẤP				
14.	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
15.	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
16.	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần)	x	x	x	x
17.	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
18.	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
19.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
20.	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
21.	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
22.	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
23.	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x
24.	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	x	x	x	
25.	64	Thủ thuật Heimlich (lây dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
26.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
27.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
28.	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
29.	72	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	
30.	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
31.	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
32.	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
33.	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
34.	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	

35.	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
36.	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
37.	80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
38.	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phê quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
39.	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x
40.	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
41.	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
42.	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
43.	88	Làm ẩm đ-ường thở qua máy phun sự-ong mù	x	x	x	
44.	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	x
45.	95	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x	
46.	96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x	
47.	97	Dẫn l-tru màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
48.	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
49.	157	Cố định lồng ngực do chấn th-ương gãy xương sườn	x	x	x	X
50.	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	X
51.	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
		C. THẬN - LỢC MÁU				
52.	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	X
53.	161	Chọc hút nước tiểu trên x-ương mu	x	x	x	
54.	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
55.	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	

56.	166	Vận động trị liệu bằng quang	x	x	x	
57.	170	Bài niệu c-ưỡng bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
		D. THẦN KINH				
58.	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
59.		Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x	
60.	203	Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
61.	207	Ghi điện não đồ cấp cứu	x	x		
62.	208	Siêu âm Doppler xuyên sọ	x	x		
63.	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
64.	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
		D. TIÊU HOÁ				
65.	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
66.	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
67.	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
68.	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x
69.	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiêu tràng, đại tràng)	x	x	x	
70.	221	Thụt tháo	x	x	x	x
71.	222	Thụt giữ	x	x	x	x
72.	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
73.	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
74.	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
75.	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x

76.	229	Nuôi d-ỡng ng-ười bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
77.	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
78.	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
79.	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
80.	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
81.	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
82.	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
83.	250	Các phương pháp can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ	x	x	x	
84.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
85.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
86.	253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x	x	x
87.	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x
88.	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
89.	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
90.	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
91.	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
92.	264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
93.	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
94.	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
95.	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
96.	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	

97.	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
98.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
99.	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
100.	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
101.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
102.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
103.	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
104.	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
105.	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
106.	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
107.	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
108.	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
109.	284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
110.	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
111.	290	Xét nghiệm cặn trong hơi thở	x	x		
112.	296	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x	
		H. THĂM DÒ KHÁC				
113.	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
114.	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	

II. NỘI KHOA

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. HÔ HẤP				
1.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
2.	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
3.	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x
4.	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x
5.	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
6.	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
7.	18	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
8.	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
9.	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
10.	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
11.	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
12.	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
13.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
14.	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
15.	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
16.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	

17.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
18.	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
19.	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
20.	109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
21.	111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
22.	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
23.	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
24.	114	Siêu âm tim gắng sức (thăm chạy, thuốc)	x			
25.	116	Siêu âm tim 4D	x	x		
26.	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
		C. THẦN KINH				
27.	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
28.	129	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x	
29.	144	Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
30.	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
31.	146	Ghi điện não giấc ngủ	x	x		
32.	147	Ghi điện não video	x			
33.	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
34.	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
35.	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
36.	153	Siêu âm Doppler xuyên sọ	x	x		

37.	154	Siêu âm Doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường	x	x		
38.	155	Siêu âm Doppler xuyên sọ có giá đỡ tại giường theo dõi 24/24 giờ	x			
39.	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x		
40.	157	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x			
41.	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
42.	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
43.	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
44.	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
45.	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lân	x	x	x	
46.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x	
47.	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x	
48.	184	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu	x	x		
49.	185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x		
50.	186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x		
51.	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x		
52.	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
53.	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
54.	201	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	x	x		

55.	209	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF-Online))	x	x		
56.	223	Nối thông động- tĩnh mạch	x	x		
57.	224	Nối thông động- tĩnh mạch có dịch chuyển mạch	x	x		
58.	225	Nối thông động- tĩnh mạch sử dụng mạch nhân tạo	x	x		
59.	226	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130	x	x		
60.	231	Rút catheter đường hầm	x	x		
61.	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
62.	233	Rửa bàng quang	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
63.	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	x
64.	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x	
65.	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x	
66.	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
67.	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
68.	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
69.	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
70.	315	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	x	x		
71.	316	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x		
72.	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
73.	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x

74.	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
75.	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
76.	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	

VI SINH

TT	TT (Theo	DANH MỤC KỸ THUẬT	AN TUYẾN KỸ THU			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	
	16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x
		2. Mycobacteria				
	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x
	21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x	x	x	x
		3. Vibrio cholerae				
	42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x	x	x
	43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		4. Neisseria gonorrhoeae				
	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x

		5. Neisseria meningitidis				
0.	56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
1.	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
2.	73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x	x	x	x
3.	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x	x	x	x
4.	80	<i>Leptospira</i> test nhanh	x	x	x	x
5.	85	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh	x	x	x	x
6.	94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x	x	x	x
7.	95	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi	x	x	x	x
8.	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
		1. Virus chung				
9.	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
		2. Hepatitis virus				
0.	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
1.	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
2.	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
3.	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
4.	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
5.	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
6.	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x

7.	163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x
8.	164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x
		3. HIV				
9.	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
0.	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x
		4. Dengue virus				
1.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
2.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
3.	185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x
4.	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		5. Herpesviridae				
		6. Enterovirus				
5.	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		7. Các virus khác				
6.	243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	x
7.	249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x
8.	254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
9.	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
0.	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
1.	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x

2.	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
3.	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
4.	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x
5.	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x
6.	270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh	x	x	x	x
		2. Ký sinh trùng trong máu				
7.	284	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x
8.	289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
9.	291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
		3. Ký sinh trùng ngoài da				
0.	305	<i>Demodex</i> soi tươi	x	x	x	x
1.	307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	x	x	x	x
2.	309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	x	x	x	x
		4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác				
3.	317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	x	x	x	x
		D. VI NẤM				
4.	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
5.	320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x
6.	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
7.	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x	
8.	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x	

9.	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x	
0.	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x	
1.	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x	
2.	334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải	x	x	x	
3.	335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x	x	x	
4.	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nh	x	x	x	

VI. TÂM THẦN

TT	TT (Theo TT 43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ				
1.	1	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)		x		
2.	2	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton		x		
3.	4	Thang đánh giá trầm cảm ở trẻ em		x		
4.	5	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)				
5.	6	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)		x		
6.	7	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)		x		
7.	8	Thang đánh giá hưng cảm Young		x		
8.	9	Thang đánh giá lo âu - zung		x		
9.	10	Thang đánh giá lo âu - Hamilton		x		
10.	11	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)		x		

11.	12	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)		x		
12.	13	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)		x		
13.	14	Thang đánh giá hành vi trẻ em (CBCL)		x		
14.	16	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)		x		
15.	17	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)		x		
16.	18	Trắc nghiệm RAVEN		x		
17.	19	Trắc nghiệm WAIS		x		
18.	21	Thang đánh giá trí nhớ Wechsler (WMS)		x		
19.	22	Thang đánh giá tập trung chú ý Bourdon		x		
20.	26	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)		x		
21.	30	Bảng nghiệm kê nhân cách hướng nội hướng ngoại (EPI)		x		
22.	31	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)		x		
23.	33	Thang đánh giá bồn chồn bất an – BARNES		x		
24.	36	Thang đánh giá hội chứng cai rượu CIWA		x		
		B. THĂM ĐO CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
25.	38	Đo điện não vi tính		x		
26.	40	Đo lưu huyết não		x		
		C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ				
27.	41	Kích thích từ xuyên sọ (TMS)		x		
		D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
28.	45	Liệu pháp tâm lý nhóm		x		
29.	46	Liệu pháp tâm lý gia đình		x		

30.	47	Liệu pháp tâm kích		x		
31.	48	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình		x		
32.	49	Liệu pháp giải thích hợp lý		x		
33.	50	Liệu pháp hành vi		x		
34.	51	Liệu pháp ám thị		x		
35.	52	Liệu pháp nhận thức hành vi		x		
36.	53	Liệu pháp nhận thức		x		
37.	54	Liệu pháp tâm lý động		x		
38.	55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)		x		
		Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN				
39.	56	Liệu pháp âm nhạc		x		
40.	57	Liệu pháp hội họa		x		
41.	58	Liệu pháp thể dục, thể thao		x		
42.	59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội		x		
43.	60	Liệu pháp lao động		x		
		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
44.	61	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp		x		
45.	62	Xử trí trạng thái kích động		x		
46.	63	Xử trí trạng thái động kinh		x		
47.	64	Xử trí trạng thái không ăn		x		
48.	65	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính		x		
49.	66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần		x		

50.	67	Xử trí trạng thái loạn động muộn		x		
51.	68	Cấp cứu tự sát		x		
52.	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế		x		
53.	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần		x		
54.	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần		x		
55.	72	Xử trí trạng thái sảng rượu		x		
		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
56.	73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu		x		
57.	76	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện		x		
58.	77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần		x		
59.	81	Điều trị hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện bằng Clonidine		x		
60.	82	Điều trị nghiện chất dạng Amphetamine		x		
61.	83	Điều trị nghiện rượu		x		

X. NGOẠI KHOA

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
		1. Sọ não				
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng				

		3. Tủy sống				
		4. Dịch não tủy				
1.	57	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	x	x		
		5. Sinh thiết				
		6. Dị tật sọ mắt				
		7. Thoát vị não, màng não				
		8. Mạch máu				
		9. Khối choán chỗ trong, ngoài não				
		11. Nhu mô, tiểu não				
		12. U ngoài sọ				
		13. Thần kinh chức năng				
		14. Đặt điện cực, giảm đau				
		15. Hố mắt				
		16. Thần kinh ngoại biên				
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
		2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu				
		3. Bệnh tim bẩm sinh				
		4. Bệnh tim mạch phải				
		5. Bệnh tim mạch máu				
		6. Lòng ngực				
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				

		1. Thận				
		2. Niệu quản				
		3. Bàng quang				
		4. Niệu đạo				
		5. Sinh dục				
		D. TIÊU HÓA				
		1. Thực quản				
		2. Dạ dày				
		3. Tá tràng				
		4. Ruột non- Mạc treo				
		5. Ruột thừa- Đại tràng				
		6. Trực tràng				
		7. Tầng sinh môn				
		Đ. GAN - MẬT - TỤY				
		1. Gan				
		2. Mật				
		3. Tụy				
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
		2. Phúc mạc				
		G. CHẨN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Vùng vai-xương đòn				

		2. Vùng cánh tay				
		3. Vùng cẳng tay				
		4. Vùng bàn tay				
		5. Vùng chậu				
		6. Vùng đùi				
		7. Khớp gối				
		8. Vùng cẳng chân				
		9. Vùng gót chân-bàn chân				
		10. Gãy xương hở				
		11. Tổn thương phần mềm				
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
		13. Vùng cổ chân-bàn chân				
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
		17. Nắn- Bó bột				
		H. CỘT SỐNG				
		1. Cột sống cổ				
		2. Cột sống ngực				
		3. Cột sống thắt lưng				
		4. Các phẫu thuật ít xâm lấn				
		I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

TT	TT (Theo TT 43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
			KỸ THUẬT			
			3			
	1	2	B	A	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	X	X	X	
2	51	Ép tim ngoài lồng ngực	X	X	X	X
		B. HÔ HẤP				
3	77	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	
4	78	Mở khí quản	X	X	X	
5	89	Khí dung thuốc cấp cứu	X	X	X	
6	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	X	X	X	
7	92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	X	X	X	
8	93	Vận động trị liệu hô hấp	X	X	X	
9	94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	X	X	X	
10	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	X	X	X	
11	96	Mở khí quản qua da cấp cứu	X	X	X	

12	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
13	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
14	104	Mở màng giáp nhĩ cấp cứu	x	x	x	x
15	105	Thở ngạt	x	x	x	x
16	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
17	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
18	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
19	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x
20	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
21	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x
22	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
23	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỘC MÁU				
24	125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
25	130	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
26	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
27	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
28	133	Thông tiểu	x	x	x	x
29	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				
30	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
31	138	Điện não đồ thường quy	x	x		

32	143	Siêu âm doppler xuyên sọ	X	X		
33	148	Chọc dịch tuỷ sống	X	X	X	
34	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	X	X	X	
35	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	X	X	X	X
36	152	Soi đáy mắt cấp cứu	X	X	X	
		Đ. TIÊU HÓA				
37	164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	X	X	X	
38	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	X	X	X	
39	167	Đặt ống thông dạ dày	X	X	X	
40	168	Rửa dạ dày cấp cứu	X	X	X	
41	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	X	X	X	
42	173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	X	X	X	
43	174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	X	X		
44	178	Đặt sonde hậu môn	X	X	X	X
45	179	Thụt tháo phân	X	X	X	X
46	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	X	X	X	X
47	181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	X	X	X	X
		E. TOÀN THÂN				
48	184	Hạ nhiệt độ chỉ huy	X	X		
49	185	Nâng thân nhiệt chủ động	X	X	X	

50	188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh	X	X	X	
51	189	Chụp X quang cấp cứu tại giường	X	X	X	
52	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	X	X	X	
53	194	Tắm cho người bệnh tại giường	X	X	X	X
54	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	X	X	X	X
55	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	X	X	X	X
56	199	Xoa bóp phòng chống loét	X	X	X	X
57	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	X	X	X	X
58	202	Băng bó vết thương	X	X	X	X
59	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	X	X	X	X
60	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	X	X	X	X
61	205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	X	X	X	X
62	206	Định nhóm máu tại giường	X	X	X	X
63	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	X	X	X	X
64	208	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	X	X	X	X
65	210	Tiêm truyền thuốc	X	X	X	X
		G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
		II. TÂM THẦN				
66	227	Liệu pháp hành vi tác phong	X	X		
67	228	Trắc nghiệm tâm lý MMPI	X			
68	231	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	X	X		
69	232	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng(CHAT)	X	X		

70	233	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	X	X		
71	234	Test hành vi cảm xúc CBCL	X	X		
72	235	Test tăng động giảm chú ý Vandebilt	X	X		
73	236	Sốc điện thông thường	X	X		
74	237	Trắc nghiệm tâm lý Beck	X	X	X	
75	238	Trắc nghiệm tâm lý Zung	X	X	X	
76	239	Trắc nghiệm tâm lý Raven	X	X	X	
77	240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)	X	X	X	
78	241	Liệu pháp âm thị	X	X		
79	242	Liệu pháp thư giãn luyện tập	X	X	X	
80	243	Liệu pháp âm nhạc	X	X		
81	244	Liệu pháp hội họa	X	X		
82	245	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc	X	X	X	
83	246	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone	X	X	X	
84	247	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện	X	X	X	
85	248	Điều trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon	X	X	X	
86	249	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton	X	X	X	
87	250	Thang đánh giá tâm thần tối thiểu (MMSE)	X	X	X	
88	251	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	X	X	X	
89	252	Thang đánh giá triệu chứng dương tính và âm tính(PANSS)	X	X	X	
90	253	Thang đánh giá triệu chứng ngoại tháp (SIMPSON)	X	X	X	

91	254	Thang đánh giá ấn tượng lâm sàng chung (CGI)	X	X	X	
92	255	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp	X	X	X	
93	256	Đo lưu huyết não	X	X		
94	257	Xử trí người bệnh kích động	X	X	X	
95	258	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	X	X	X	
96	259	Xử trí người bệnh không ăn	X	X	X	
97	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	X	X	X	
98	261	Liệu pháp tâm lý nhóm	X	X	X	
99	262	Liệu pháp tâm lý gia đình	X	X	X	
100	263	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	X	X	X	
101	264	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	X	X	X	
102	265	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	X	X	X	
103	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	X	X	X	
104	267	Liệu pháp lao động	X	X	X	X
105	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	X	X	X	X
106	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	X	X	X	X
107	270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	X	X	X	X
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
108	271	Từ châm	X	X		
109	272	Laser châm	X	X		
110	273	Mai hoa châm	X	X		

111	274	Kéo nắn cột sống cổ	X	X		
112	275	Kéo nắn cột sống thắt lưng	X	X		
113	276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	X	X	X	
114	281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	X	X	X	
115	282	Xông hơi thuốc	X	X	X	X
116	283	Xông khói thuốc	X	X	X	X
117	284	Sắc thuốc thang	X	X	X	X
118	285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	X	X	X	X
119	286	Đặt thuốc YHCT	X	X	X	X
120	287	Bó thuốc	X	X	X	X
121	288	Chườm ngải	X	X	X	X
122	289	Hào châm	X	X	X	X
123	290	Nhĩ châm	X	X	X	X
124	291	Ôn châm	X	X	X	X
125	292	Chích lễ	X	X	X	X
126	293	Luyện tập dưỡng sinh	X	X	X	X
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
127	294	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
128	295	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
129	296	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	X
130	297	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	X	X	X	X
131	298	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	X

132	299	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	X	X	X	X
133	300	Điện mãng châm điều trị teo cơ	X	X	X	X
134	301	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	X
135	302	Điện mãng châm điều trị bại não	X	X	X	X
136	303	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	X	X	X	X
137	304	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	X
138	305	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ	X	X	X	X
139	306	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	X	X	X	X
140	307	Điện mãng châm điều trị đau đầu	X	X	X	X
141	308	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	X	X	X	X
142	309	Điện mãng châm điều trị stress	X	X	X	X
143	310	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	X	X	X	X
144	311	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	X
145	312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	X	X	X	X
146	313	Điện mãng châm điều trị bệnh hồ mắt	X	X	X	X
147	314	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	X
148	315	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
149	316	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai thị	X	X	X	X
150	317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
151	318	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
152	319	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	X	X	X	

153	320	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	X	X	X	
154	321	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	X	X	X	
155	322	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
156	323	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	
157	324	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	X	X	X	
158	325	Điện mãng châm điều trị trĩ	X	X	X	
159	326	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	X	X	X	
160	327	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày	X	X	X	
161	328	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	X	X	X	
162	329	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	
163	330	Điện mãng châm điều trị thoái hoá khớp	X	X	X	
164	331	Điện mãng châm điều trị đau lưng	X	X	X	
165	332	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	X	X	X	
166	333	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	
167	334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
168	335	Điện mãng châm điều trị chứng tic	X	X	X	
169	336	Điện mãng châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X	X	
170	337	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	X	X	X	
171	338	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	X	X	X	
172	339	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	X	X	X	
173	340	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	X	X	X	
174	341	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X	X	

175	342	Điện mẫn châm điều trị đái dầm	X	X	X	
176	343	Điện móng châm điều trị bí đái	X	X	X	
177	344	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	
178	345	Điện mẫn châm điều trị béo phì	X	X	X	
179	346	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X	X	
180	347	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
181	348	Điện mẫn châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	
182	349	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	
183	350	Điện mẫn châm điều trị đau răng	X	X	X	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
184	351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
185	352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
186	353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	
187	354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	X	X	X	
188	355	Điện nhĩ châm điều trị bại não	X	X	X	
189	356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	
190	357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	
191	358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	X	X	X	
192	359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	X	X	X	
193	360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	X	X	X	
194	361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	

195	362	Điện nhĩ châm cai thuốc lá	X	X	X	
196	363	Điện nhĩ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	
197	364	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
198	365	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	X	X	X	
199	366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
200	367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	X	X	X	
201	368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	
202	369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	
203	370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	
204	371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	
205	372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	X	X	X	
206	373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mí	X	X	X	
207	374	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt	X	X	X	
208	375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	
209	376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	
210	377	Điện nhĩ châm điều trị lác	X	X	X	
211	378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
212	379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	X	X	X	
213	380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
214	381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	X	X	X	
215	382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	X	X	X	

216	383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
217	384	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
218	385	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	
219	386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
220	387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
221	388	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
222	389	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	x	x	x	
223	390	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
224	391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	
225	392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
226	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
227	394	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
228	395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
229	396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
230	397	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	x	x	x	
231	398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
232	399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
233	400	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
234	401	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
235	402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	x	x	x	
236	403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
237	404	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	

238	405	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
239	406	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
240	407	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
241	408	Cây chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
242	409	Cây chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	
243	410	Cây chỉ điều trị teo cơ	x	x	x	
244	411	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	
245	412	Cây chỉ điều trị bại não	x	x	x	
246	413	Cây chỉ điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
247	414	Cây chỉ điều trị chứng ù tai	x	x	x	
248	415	Cây chỉ điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
249	416	Cây chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
250	417	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
251	418	Cây chỉ cai thuốc lá	x	x	x	
252	419	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	
253	420	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	x	x	x	
254	421	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
255	422	Cây chỉ điều trị động kinh	x	x	x	
256	423	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
257	424	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
258	425	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
259	426	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	x	x	x	

260	427	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
261	428	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
262	429	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
263	430	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	x	x	x	
264	431	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
265	432	Cây chỉ điều trị thất ngôn	x	x	x	
266	433	Cây chỉ điều trị viêm xoang	x	x	x	
267	434	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
268	435	Cây chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
269	436	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
270	437	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
271	438	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
272	439	Cây chỉ điều trị trĩ	x	x	x	
273	440	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
274	441	Cây chỉ điều trị đau dạ dày	x	x	x	
275	442	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	x	x	x	
276	443	Cây chỉ điều trị dị ứng	x	x	x	
277	444	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
278	445	Cây chỉ điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	
279	446	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
280	447	Cây chỉ điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
281	448	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	

282	449	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
283	450	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X	X	
284	451	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	X	X	X	
285	452	Cây chỉ điều trị táo bón	X	X	X	
286	453	Cây chỉ điều trị đái dầm	X	X	X	
287	454	Cây chỉ điều trị bí đái	X	X	X	
288	455	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	
289	456	Cây chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	X	X	X	
290	457	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	
291	458	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
292	459	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	
293	460	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	
		Đ. ĐIỆN CHÂM				
294	461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	X	X	X	X
295	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
296	463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	X
297	464	Điện châm điều trị liệt nửa người	X	X	X	X
298	465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	X
299	466	Điện châm điều trị teo cơ	X	X	X	X
300	467	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	X
301	468	Điện châm điều trị bại não	X	X	X	X
302	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	X

303	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	X	X	X	X
304	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
305	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	X	X	X	X
306	473	Điện châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	X
307	474	Điện châm cai thuốc lá	X	X	X	X
308	475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	X
309	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
310	477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	X	X	X	X
311	478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	X
312	479	Điện châm điều trị mất ngủ	X	X	X	X
313	480	Điện châm điều trị stress	X	X	X	X
314	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	X
315	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	X
316	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	X
317	484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	X
318	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	X	X	X	X
319	486	Điện châm điều trị sụp mí	X	X	X	X
320	487	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	X	X	X	X
321	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	X
322	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
323	490	Điện châm điều trị lác	X	X	X	X

324	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	X
325	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
326	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	X
327	494	Điện châm điều trị thất ngôn	X	X	X	X
328	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	X
329	496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X	X	X
330	497	Điện châm điều trị nôn nấc	X	X	X	X
331	498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	X	X	X	X
332	499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	X	X	X	X
333	500	Điện châm điều trị viêm phần phụ	X	X	X	X
334	501	Điện châm điều trị rối loạn tri đại, tiểu tiện	X	X	X	X
335	502	Điện châm điều trị táo bón	X	X	X	X
336	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X	X	X
337	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	X	X	X	X
338	505	Điện châm điều trị đái dầm	X	X	X	X
339	506	Điện châm điều trị bí đái	X	X	X	X
340	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	X
341	508	Điện châm điều trị cảm cúm	X	X	X	X
342	509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	X	X	X	X
343	510	Điện châm điều trị béo phì	X	X	X	X
344	511	Điện châm điều trị bứu cổ đơn thuần	X	X	X	X
345	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	X

346	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	X
347	514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	X
348	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	X
349	516	Điện châm điều trị đau răng	X	X	X	X
350	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	X	X	X	X
351	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
352	519	Điện châm điều trị hen phế quản	X	X	X	X
353	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	X	X	X	X
354	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
355	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	X	X	X	X
356	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	X	X	X	X
357	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	X	X	X	X
358	525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	X
359	526	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	X	X	X	X
360	527	Điện châm điều trị đau lưng	X	X	X	X
361	528	Điện châm điều trị đau môi cơ	X	X	X	X
362	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	X
363	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	X
364	531	Điện châm điều trị chứng tic	X	X	X	X
E. THUYẾT CHÂM						
365	532	Thuyết châm điều trị liệt	X	X	X	X
366	533	Thuyết châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	X

367	534	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	X
368	535	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	X	X	X	X
369	536	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	X
370	537	Thuỷ châm điều trị teo cơ	X	X	X	X
371	538	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	X
372	539	Thuỷ châm điều trị bại não	X	X	X	X
373	540	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	X
374	541	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	X	X	X	X
375	542	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
376	543	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	X	X	X	X
377	544	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	X
378	545	Thuỷ châm cai thuốc lá	X	X	X	X
379	546	Thuỷ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	X
380	547	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
381	548	Thuỷ châm điều trị động kinh	X	X	X	X
382	549	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	X
383	550	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	X	X	X	X
384	551	Thuỷ châm điều trị stress	X	X	X	X
385	552	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	X
386	553	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	X
387	554	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	X
388	555	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	X	X	X	X

389	556	Thuỷ châm điều trị sụp mí	X	X	X	X
390	557	Thuỷ châm điều trị bệnh hồ mắt	X	X	X	X
391	558	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn	X	X	X	X
392		cấp	X			
393	559	Thuỷ châm điều trị lác	X	X	X	X
394	560	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	X
395	561	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
396	562	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	X
397	563	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	X	X	X	X
398	564	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	X	X	X	X
399	565	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	X	X	X	X
400	566	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	X	X	X	X
401	567	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	X	X	X	X
402	568	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
403	569	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	X	X	X	X
404	570	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	X
405	571	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	X	X	X	X
406	572	Thuỷ châm điều trị trĩ	X	X	X	X
407	573	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	X	X	X	X
408	574	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	X	X	X	X
409	575	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	X	X	X	X
410	576	Thuỷ châm điều trị bệnh vẩy nến	X	X	X	X

411	577	Thủy châm điều trị dị ứng	X	X	X	X
412	578	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	X
413	579	Thủy châm điều trị thoái hoá khớp	X	X	X	X
414	580	Thủy châm điều trị đau lưng	X	X	X	X
415	581	Thủy châm điều trị đau mắt cơ	X	X	X	X
416	582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	X
417	583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	X
418	584	Thủy châm điều trị chứng tic	X	X	X	X
419	585	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	X
420	586	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X	X	X
421	587	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận	X	X	X	X
422	588	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	X	X	X	X
423	589	Thủy châm điều trị táo bón	X	X	X	X
424	590	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X	X	X
425	591	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	X	X	X	X
426	592	Thủy châm điều trị đái dầm	X	X	X	X
427	593	Thủy châm điều trị bí đái	X	X	X	X
428	594	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	X
429	595	Thủy châm điều trị béo phì	X	X	X	X
430	596	Thủy châm điều trị bứu cổ đơn thuần	X	X	X	X
431	597	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	X
432	598	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	X

433	599	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	X
434	600	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	X
435	601	Thủy châm điều trị đau răng	X	X	X	X
436	602	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
		G. XOA BÓP BẮM HUYỆT				
437	603	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt	X	X	X	X
438	604	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
439	605	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	X	X	X	X
440	606	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người	X	X	X	X
441	607	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	X
442	608	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	X	X	X	X
443	609	Xoa bóp bấm huyết điều trị bại não trẻ em	X	X	X	X
444	610	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	X	X	X	X
445	611	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	X	X	X	X
446	612	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng ngất	X	X	X	X
447	613	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	X
448	614	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	X	X	X	X
449	615	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
450	616	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	X
451	617	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	X	X	X	X
452	618	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	X	X	X	X
453	619	Xoa bóp bấm huyết cai thuốc lá	X	X	X	X

454	620	Xoa bóp bấm huyết điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	X
455	621	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	X	X	X	X
456	622	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
457	623	Xoa bóp bấm huyết điều trị động kinh	X	X	X	X
458	624	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	X
459	625	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	X	X	X	X
460	626	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress	X	X	X	X
461	627	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	X
462	628	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	X
463	629	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	X
464	630	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	X	X	X	X
465	631	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	X	X	X	X
466	632	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
467	633	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác	X	X	X	X
468	634	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực do teo gai thị	X	X	X	X
469	635	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
470	636	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	X	X	X	X
471	637	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
472	638	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	X	X	X	X
473	639	Xoa bóp bấm huyết điều trị tăng huyết áp	X	X	X	X
474	640	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X

475	641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	X	X	X	X
476	642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	X
477	643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	X	X	X	X
478	644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	X	X	X	X
479	645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	X	X	X	X
480	646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	X
481	647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp	X	X	X	X
482	648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	X	X	X	X
483	649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	X	X	X	X
484	650	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	X
485	651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	X
486	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	X	X	X	X
487	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	X	X	X	X
488	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	X
489	655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X	X	X
490	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	X	X	X	X
491	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	X	X	X	X
492	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X	X	X
493	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	X	X	X	X
494	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại	X	X	X	X
495	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	X
496	662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	X	X	X	X

497	663	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	X
498	664	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	X
499	665	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	X
500	666	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	X
501	667	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau răng	X	X	X	X
502	668	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	X	X	X	X
503	669	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng	X	X	X	X
504	670	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	X	X	X	X
H. CỨU						
505	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	X	X	X	X
506	672	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	X	X	X	X
507	673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	X	X	X	X
508	674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	X	X	X	X
509	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	X	X	X	X
510	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	X	X	X	X
511	677	Cứu điều trị liệt thể hàn	X	X	X	X
512	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	X	X	X	X
513	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	X	X	X	X
514	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	X	X	X	X
515	681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	X	X	X	X
516	682	Cứu điều trị bại não thể hàn	X	X	X	X
517	683	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	X	X	X	X

518	684	Cứu điều trị ù tai thể hàn	X	X	X	X
519	685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	X	X	X	X
520	686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	X	X	X	X
521	687	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy thể hàn	X	X	X	X
522	688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	X	X	X	X
523	689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	X	X	X	X
524	690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	X	X	X	X
525	691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	X	X	X	X
526	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	X	X	X	X
527	693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	X	X	X	X
528	694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	X	X	X	X
529	695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	X	X	X	X
530	696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	X	X	X	X
IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC						
531	700	Laser điều trị	X	X	X	X
532	701	Laser nội mạch	X	X	X	X
533	702	Điện vi dòng giảm đau	X	X	X	X
534	703	Giao thoa điện	X	X	X	X
535	708	Siêu âm điều trị	X	X	X	X
536	710	Điều trị bằng đắp paraffin	X	X	X	X

537	714	Kéo cột sống bằng máy	x	x	x	x
538	738	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	x	x	x	x
539	739	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp	x	x	x	x
540	740	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
541	741	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV	x	x	x	x
542	742	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS	x	x	x	x
543	743	Xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
544	744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	x	x	x	x
545	745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	x	x	x	x
546	747	Kỹ năng giao tiếp sớm	x	x	x	x
547	749	Sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
548	750	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói	x	x	x	x
549	751	Kỹ năng hoà nhập xã hội	x	x	x	x
550	752	Kỹ năng tiền học đường	x	x	x	x
551	753	Ngôn ngữ trị liệu cả ngày	x	x	x	x
552	754	Ngôn ngữ trị liệu nửa ngày	x	x	x	x
553	755	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x	x	x
554	764	Hoạt động trị liệu cả ngày	x	x	x	x
555	765	Hoạt động trị liệu nửa ngày	x	x	x	x
556	766	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x	x	x
557	767	Thủy trị liệu	x	x	x	x
558	768	Thủy trị liệu có thuốc	x	x	x	x

559	769	Hoạt động trị liệu	x	x	x	x
560	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x	x
561	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	x
562	772	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x	x
563	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	x
564	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
565	775	Đo liều sinh học trong điều trị tử ngoại	x	x	x	x
566	776	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x
567	777	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x
568	778	Dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
569	779	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	x	x	x	x
570	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x	x
571	781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
572	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	x
573	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
574	786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	x	x	x	x
575	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	x
576	788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x	x
577	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x	x
578	790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x	x
579	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x	x

580	792	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẽo	x	x	x	x
581	793	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN	x	x	x	x
582	794	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN	x	x	x	x
583	795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x	x
584	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	x
585	797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x	x
586	798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x	x
587	799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	x	x	x	x
588	800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x	x
589	801	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x	x
590	802	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x	x
591	803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x	x
592	804	Tắm bùn khoáng	x	x	x	x
593	805	Đắp bùn khoáng	x	x	x	x
594	806	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
595	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
596	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
597	809	Chườm lạnh	x	x	x	x
598	810	Chườm ngải cứu	x	x	x	x
599	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
600	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x

601	813	Xoa bóp	x	x	x	x
602	814	Tập ho	x	x	x	x
603	815	Tập thở	x	x	x	x
604	816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x
605	817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x
606	818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x
607	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
608	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
609	821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
610	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
611	823	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
612	824	Đắp nóng	x	x	x	x
613	825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x
614	826	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x
615	827	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo- massage sẹo với	x	x	x	x
616		các thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x
617	828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x
618	829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	x
619	830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	x
620	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	x	x	x	x
621	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x

622	833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x
623	834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x
624	835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	x	x	x	x
625	836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x
626	837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x
627	838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
628	839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x
629	840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	x	x	x	x
630	841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x
631	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	x	x	x	x
632	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x
633	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x
634	845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x
635	846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x
636	847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x
637	848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi	x	x	x	x
638	849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi	x	x	x	x
639	850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x
640	851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	x
641	852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay	x	x	x	x
642	853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân	x	x	x	x

643	854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	x	x	x	x
644	855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	x
645	856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	x	x	x	x
646	857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	x	x	x	x
647	858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x
648	859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	x	x	x	x
649	860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	x	x	x	x
650	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x
651	862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	x
652	863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	x	x	x	x
653	864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	x
654	865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x
655	866	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	x
656	867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	x
657	868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x
658	869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x
659	870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x
660	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x
661	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	x
662	873	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bỏng	x	x	x	x
663	874	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vảy da	x	x	x	x

664	875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x
665	876	Phục hồi chức năng thoái hoá khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x
666	877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
667	878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	x	x	x	x
668	879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x
669	880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa	x	x	x	x
670	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x
671	882	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi	x	x	x	x
672	883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x
673	884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x
674	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
675	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
676	887	Xoa bóp	x	x	x	x
677	888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x
678	889	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
679	890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động	x	x	x	x
680	891	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	x
681	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
682	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
683	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x
684	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x

685	896	Tập vận động cột sống	x	x	x	x
686	897	Tập KT tạo thuận VD cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi.....)	x	x	x	x
687	898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	x
688	899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	x
689	900	Tập vận động tại giường	x	x	x	x
690	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x
691	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x
692	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
693	904	Tập với xe lăn	x	x	x	x
694	905	Vật lý trị liệu chỉnh hình	x	x	x	x
695	906	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh	x	x	x	x
B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP						
696	977	Khung tập đi	x	x	x	x
697	978	Dụng cụ tập sắp ngửa cổ tay	x	x	x	x
698	979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x	x
699	980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x	x
700	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x	x
701	982	Xe đạp	x	x	x	x
702	983	Nạng nách	x	x	x	x
703	984	Nạng khuỷu	x	x	x	x
704	985	Gậy tập	x	x	x	x
705	986	Nẹp khớp gối	x	x	x	x

706	987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x
707	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		A. SỌ NÃO				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
		C. THANH- PHẾ QUẢN				
		D. LÒNG NGỰC- PHỔI				
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
		E. TIẾT NIỆU				
		G. KHỚP				
		VI. Y HỌC HẠT NHÂN				
		VII. GÂY MÊ HỒI SỨC				
708	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sóc	x	x	x	
709	1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
710	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
711	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
712	1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x	
713	1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x	
714	1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
715	1417	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x	
716	1418	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x	
717	1426	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	

718	1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
719	1428	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x	
720	1453	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
721	1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
722	1455	Theo dõi HA liên tục tại giường	x	x	x	
723	1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
724	1458	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
725	1461	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	x	x	x	
726	1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
727	1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
728	1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
729	1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x	
730	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện(vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x	
VIII. BỔNG						
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU				
		TRỊ BỆNH NHÂN BỔNG				
		B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT	x	x	x	
		THƯƠNG MẪN TÍNH	x	x	x	
		IX. MẮT	x	x	x	
731	1658	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x	
732	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	

733	1685	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
734	1692	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	
735	1693	Chích chấp, lệo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	
736	1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	
737	1695	Rửa cùng đồ	x	x	x	
738	1698	Rạch áp xe mi	x	x	x	
739	1699	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	
740	1703	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	
741	1704	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	
742	1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	
743	1706	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	
744	1707	Khám mắt	x			
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
745	1960.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
746	1961.	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
747	2117.	Lấy dị vật tai	x	x	x	
		B. MŨI XOANG				
748	2149.	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
749	2150.	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	

750	2155.	Cầm máu mũi bằng Meroxco (2 bên)	x	x	x	x
		C. HỌNG - THANH QUAN				
751	2190.	Lây dị vật họng miệng	x	x	x	x
752	2191.	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		D. CỔ - MẮT				
		XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH				
		C. TIÊU HÓA				
753	2354.	Chọc dịch màng bụng	x	x	x	
754	2355.	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x	
755	2357.	Thụt tháo phân	x	x	x	x
756	2358.	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
		D. THẬN- TIẾT NIỆU – LỌC MÁU				
		Đ. CƠ – XƯƠNG – KHỚP				
		E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
####	2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x
####	2383	Test nội bì	x	x	x	x
####	2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x

G. TRUYỀN NHIỄM

760	2387.	Tiêm trong da		x	x	x
761	2388.	Tiêm dưới da		x	x	x
762	2389.	Tiêm bắp thịt		x	x	x
763	2390.	Tiêm tĩnh mạch		x	x	x

764	2391.	Truyền tĩnh mạch		x	x	x
		XIV. LAO (ngoại lao)		x	x	x
		XV. UNG Bướu- nHi				
		A. ĐẦU CỘ				
		B. THẦN KINH SỢ NAO, CỘT SONG				
		D. MẮT				
		Đ. TAI - MUI - HONG				
		E. LÔNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI				
		G. TIÊU HOA - BUNG				
		H. GAN - MẬT - TUY				
		I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP				
		M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU				
		N. KỸ THUẬT KHÁC				
		XVI. NỘI TIẾT				
		A. NGOẠI KHOA				
		1. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết				
		B. NỘI KHOA				
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ				
765	2898.	Đắp mặt nạ dưỡng da	x	x	x	
766	2900.	Chăm sóc da thẩm mỹ	x	x	x	

		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				
		1. Trán				
		2. Mắt				
		3. Mũi				
		4. Môi				
		5. Tai				
		6. Mũi				
		7. Bụng				
		8. Sinh dục				
		9. Các kỹ thuật chung				
		C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BÔNG				
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
		3. Động tĩnh mạch				
		4. Ngực - phổi				
767	3248.	Dẫn lưu áp xe phổi	x	x		
		C. TIÊU HÓA - BỤNG				
		1. Thực quản				
		2. Dạ dày				
		4. Hậu môn - trực tràng				

		5. Bẹn - Bụng				
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TUY				
		1. Gan				
		2. Mật				
		3. Lách - Tuy				
		2. Niệu quản				
		3. Bàng quang				
768	3535.	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x
		4. Niệu đạo				
		5. Sinh dục				
		E. CHÂN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		1. Cột sống - Ngực				
		2. Vai				
		3. Cánh, cẳng tay				
		4. Bàn, ngón tay				
		5. Hông - Đùi				
		6. Khớp gối				
769	3756.	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống	x	x	x	x
		7. Cẳng chân				
		8. Cỏ chân, bàn chân, ngón chân				
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
770	3826.	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	x

771	3827.	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	x
		10. Nắn - Bó bột				
772	3873.	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x
773	3874.	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x
774	3875.	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x
775	3876.	Nắn, bó bột gãy xương các loại dưới C Arm	x	x	x	x
776	3877.	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x
		11. Các kỹ thuật khác				
777	3909.	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
778	3910.	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x
779	3911.	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
780	3924.	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x	
		XX. PHẪU thuật Nội soi				
		A. SO NÃO - ĐẦU - MẮT - CÔ				
		B. TAI - MUI - HONG				
		C. LỒNG NGỰC - PHỔI - TIM MẠCH				
		D. BỤNG – TIÊU HÓA				
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		1. Thận				
		2. Niệu quản				
		3. Bàng quang				

		4. Sinh dục, niệu đạo				
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
		G. PHẪU THUẬT KHÁC				
XIV. MẮT						
TT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHAN TUYÊN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1	71	Lấy dị vật hốc mắt		x		x
2	72	Lấy dị vật trong củng mạc		x		x
3	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x		x	
4	161	Tập nhược thị	x		x	
9	197	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
10	200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
11	201	Khâu kết mạc	x	x	x	x
12	202	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x
13	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
14	204	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x
15	206	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
16	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
17	208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
18	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
19	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x

20	211	Rửa cùng đồ	X	X	X	X
21	212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	X	X	X	X
22	215	Rạch áp xe mi	X	X	X	
23	218	Soi đáy mắt trực tiếp	X	X	X	X
24	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	X	X	X	X
25	223	Khám lâm sàng mắt	X	X	X	X
		<i>Ung bướu</i>				
		<i>Tạo hình</i>				

XV. TAI - MŨI - HỌNG

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
1.	51	Khâu vết rách vành tai	X	X	X	
2.	54	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)	X	X	X	
3.	56	Chọc hút dịch vành tai	X	X	X	X
4.	57	Chích nhọt ống tai ngoài	X	X	X	X
5.	58	Làm thuốc tai	X	X	X	X
6.	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	X	X	X	X
		B. MŨI-XOANG				
7.	140	Nhét bắc mũi sau	X	X	X	

8.	141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
9.	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
10.	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
11.	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
12.	147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	x	x	x	x
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
13.	212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
14.	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
15.	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
16.	221	Sơ cứu bong đ-ường hô hấp	x	x	x	x
17.	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		D. ĐẦU CỔ				
18.	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
19.	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
20.	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
21.	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
		Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

TT	(theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN
			KỸ THUẬT
			3

	1	2	A	B	C	D
		A. RĂNG				
1	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
2	41	Điều trị viêm quanh răng		x	x	
3	42	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
4	43	Lấy cao răng		x	x	x
5	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
6	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement		x	x	x
7	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
8	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường		x	x	x
9	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
10	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng		x	x	x
11	137	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
12	138	Tháo chụp răng giả		x	x	
13	139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
14	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp		x	x	x
15	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
16	142	Đệm hàm nhựa thường		x	x	x
17	203	Nhỏ răng vĩnh viễn	x	x	x	
18	204	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay		x	x	
19	205	Nhỏ chân răng vĩnh viễn		x	x	

20	206	Nhổ răng thừa	A	X	X	
21	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	X	X	X	
22	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới		X	X	
23	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	X	X	X	
24	226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement		X	X	X
25	227	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement	X	X	X	X
26	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt		X	X	
27	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	X	X	X	
28	230	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục		X	X	
29	235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	X	X	X	X
30	236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement		X	X	X
31	238	Nhổ răng sữa	X	X	X	X
32	239	Nhổ chân răng sữa	X	X	X	X
33	240	Chích Apxe lợi trẻ em	X	X	X	X
34	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	X	X	X	X
		B. HÀM MẶT				
35	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	X	X	X	
36	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	X	X	X	X
37	315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	X	X	X	

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT
----	----------------------	-------------------	------------------------

	1	2	3			
			A	B	C	D
	A.	B. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
1.	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
2.		Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
3.	6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
4.	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
5.	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
6.	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
7.	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
8.	13	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	x	x	x	x
9.	14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x
10.	15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x
11.	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
12.	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
13.	18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
14.	26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
	C.	D. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
15.	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
16.	32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x

17.	33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
18.	34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
19.	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
20.	36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
21.	37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
22.	38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
23.	39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
24.	40	Tập dáng đi	x	x	x	x
25.	41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
26.	42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
27.	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
28.	44	Tập đi với gậy	x	x	x	x
29.	45	Tập đi với bàn xương cá	x	x	x	x
30.	46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x
31.	47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
32.	48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x
33.	49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x
34.	50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x
35.	51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
36.	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
37.	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
38.	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x

39.	55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
40.	56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
41.	57	Tập kéo dẫn	x	x	x	x
42.	63	Tập với thang tường	x	x	x	x
43.	64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
44.	65	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
45.	66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
46.	67	Tập với dụng cụ chèo thuyền	x	x	x	x
47.	68	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x
48.	69	Tập với máy tập thăng bằng	x	x	x	x
49.	70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x
50.	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
51.	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
52.	73	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
53.	74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	x
54.	75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
55.	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
56.	77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
57.	78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	x	x		
58.	79	Kỹ thuật di động khớp	x	x		
59.	80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x		
60.	81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	x	x		

61.	82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
62.	83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
63.	84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x
64.	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x
65.	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
66.	87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
67.	88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x
68.	89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
69.	90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
70.	91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x
	E.	F. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
71.	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
72.	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
73.	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
74.	95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
75.	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
76.	97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
77.	98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
78.	99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
79.	100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
80.	101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x

81.	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
82.	103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x
	G.	H. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
83.	104	Tập nuốt	x	x	x	x
84.	105	Tập nói	x	x	x	x
85.	106	Tập nhai	x	x	x	x
86.	107	Tập phát âm	x	x	x	x
87.	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x
88.	109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
89.	110	Tập luyện giọng	x	x	x	x
90.	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
		Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
91.	112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x
92.	113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x
93.	114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x
94.	115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x
95.	116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x
96.	117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x
97.	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
98.	119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x

99.	120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
100.	121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
101.	122	Thử cơ bằng tay	x	x	x	
102.	123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
103.	127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
104.	133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	x	x	x	x
105.	134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	x	x	x	x
106.	137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (<i>trong liệt tứ chi</i>)	x	x	x	x
107.	139	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi trên	x	x	x	x
108.	140	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi dưới	x	x	x	x
		E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
109.	141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
110.	142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
111.	143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
112.	144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
113.	145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
114.	146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x
115.	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
116.	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
117.	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x

118.	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
119.	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
120.	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
121.	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
122.	154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x
123.	155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
124.	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x

XVIII. ĐIỆN QUANG

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
1.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
2.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
3.	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
4.	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
5.	9	Siêu âm Doppler hốc mắt	x	x		
6.	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
7.	11	Siêu âm màng phổi	x	x		

8.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
9.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
10.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
11.		Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
12.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
13.	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
14.	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
15.	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
16.	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
17.	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
18.	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
19.	27	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x		
20.	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
21.	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
22.	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
23.	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
24.	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
25.	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
26.	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		

27.	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
28.	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
29.	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
30.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
		6. Siêu âm tim, mạch máu				
31.	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
32.	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
33.	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
34.	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
35.	53	Siêu âm 3D/4D tim	x	x		
		7. Siêu âm vú				
36.	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt				
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
37.	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
38.	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
39.	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
40.	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
41.	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	

42.	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
43.	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
44.	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
45.	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
46.	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
47.	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
48.	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
49.	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
50.	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x
51.	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
52.	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
53.	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
54.		Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
55.	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
56.	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
57.	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
58.	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	x
59.	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
60.	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x	
61.		Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
62.	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
63.		Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	

64.	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
65.	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	x
66.	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
67.	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
68.	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
69.	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
70.	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
71.	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
72.	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
73.	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
74.	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
75.	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
76.	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
77.	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
78.	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
79.	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
80.	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
81.	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
82.	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
83.	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
84.	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		

85.	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
86.	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
87.	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
88.	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
89.	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
90.	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
91.		Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
92.	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
93.	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy				
94.	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
95.	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
96.	155	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
97.	158	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
98.	159	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
		2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy				
		3. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ ≥ 256 dãy				
		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy				
99.	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
		5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy				

		6. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ ≥ 256 dãy				
		7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy				
100.	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x	
101.	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
102.	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
103.	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
		8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-128 dãy				
		9. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ ≥ 256 dãy				
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy				
104.	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
105.	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
106.	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
		11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy				
		12. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ ≥ 256 dãy				
		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				
		1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T				
		2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2-1.5T				
		3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T				

		4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T				
		5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T				
		6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T				
		7. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực $\geq 3T$				
		8. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực $\geq 3T$				
		9. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực $\geq 3T$				
		10. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực $\geq 3T$				
		11. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực $\geq 3T$				
		12. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy từ lực $\geq 3T$				
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
		1. Chụp mạch dưới Xquang tăng sáng				
		2. Chụp và can thiệp mạch dưới Xquang tăng sáng				
		3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)				
		4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền				
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
		6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính				
		7. Can thiệp dưới cộng hưởng từ				
		8. Điện quang tim mạch				

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	TT (Theo	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN
----	-------------	-------------------	------------

1.1	(Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
1.	4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x	x	x	x
2.	9	Đo lưu huyết não	x	x		
3.	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
4.	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
		C. THẦN KINH, TÂM THẦN				
5.	29	Ghi điện cơ	x	x		
6.	37	Ghi điện não đồ vi tính	x	x		
7.	40	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU				
		Đ. TAI MŨI HỌNG				
		E. MẮT				
8.	92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	x
9.	93	Đo thị lực	x	x	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
10.	104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ	x	x	x	x
11.	105	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	x
		H. NỘI TIẾT				

12.	118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	x	x	x	
-----	-----	--	---	---	---	--

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1.	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
2.	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	
3.	3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x	x	x	
4.	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	x
5.	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
6.	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x	
7.	7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x	x	
8.	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x	
9.	9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x	
10.	10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x	x	

11.	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
12.	12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
13.	13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
14.	14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
15.	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x	
16.	16	Nghiệm pháp Protamin sulfat	x	x	x	
17.	17	Nghiệm pháp Von-Kaulla	x	x	x	
18.	18	Thời gian tiêu Euglobulin	x	x	x	
19.	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
20.	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
21.	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
22.	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
23.	24	Bán định lượng D-Dimer	x	x	x	
24.	43	Định lượng FDP	x	x	x	
25.	44	Bán định lượng FDP	x	x	x	
26.	78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x	x	x	
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
27.	92	Đo huyết sắc tố niệu	x	x	x	
28.	101	Xét nghiệm hồng cầu tự tan	x	x		
29.	102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x	

30.	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
31.	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
32.	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
33.	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
34.	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
35.	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
36.	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
37.	136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x	x	x	
38.	137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	x	x	x	
39.	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
40.	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
41.	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
42.	143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
43.	144	Tìm tế bào Hargraves	x	x	x	
44.	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
45.	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x		
46.	151	Cặn Addis	x	x	x	
47.	160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	
48.	162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
49.	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	

		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
50.	279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
51.	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
52.	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
53.	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x	
54.	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
55.	286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
56.	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
57.	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
58.	304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
59.	308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
60.	342	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	x	x		
61.	343	Xét nghiệm CD55/59 bạch cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x	x		
62.	344	Xét nghiệm CD55/59 hồng cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x	x		
63.	347	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	x	x	x	
64.	348	Xét nghiệm Đường-Ham	x	x	x	
65.	352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x	
		E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC				

		G. TRUYỀN MÁU				
66.	456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	x	x		
67.	457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x	
68.	466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	x	x	x	x
		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
69.	499	Rút máu để điều trị	x	x	x	
70.	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
		I. TẾ BÀO GỐC				

XXIII. HÓA SINH

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. MÁU				
1.	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2.	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
3	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
4	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
5	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
6	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
7	30	Định lượng Calci ion hoá	x	x	x	

8	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
9	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
10	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
11	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
12	76	Định lượng Globulin	x	x	x	
13	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
14	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
15	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
16	143	Định lượng sắt	x	x	x	
17	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
18	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
19.	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
20.	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
21.	174	Định lượng Amphetamine	x	x	x	
22.	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
23.	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
24.	177	Định lượng Barbiturates	x	x		
25.	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
26.	180	Định lượng Canxi	x	x	x	
27.	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	

28.	186	Định tính Dur-ơng chấp	x	x	x	
29.	187	Định lư-ợng Glucose	x	x	x	
30.	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
31.	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
32.	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
33.	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
34.	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
35.	201	Định l-ượng Protein	x	x	x	
36.	202	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x
37.	205	Định lượng Ure	x	x	x	
38.	206	Tổng phân tích nư-ớc tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x
		C. DỊCH NÃO TUỖ				
39.	207	Định lư-ợng Clo	x	x	x	
40.	208	Định lư-ợng Glucose	x	x	x	
41.	209	Phản ứng Pandy	x	x	x	
42.	210	Định lư-ợng Protein	x	x	x	
		D. THỦY DỊCH MẮT				
		E. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)				
43.	214	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
44.	215	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
45.	216	Định lượng Creatinin	x	x	x	
46.	219	Định lượng Protein	x	x	x	

47.	220	Phản ứng Rivalta	x	x	x	
48.	223	Định lượng Ure	x	x	x	

XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC

TT	TT (Theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1.	2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	x
2.	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x	x	x	x
3.	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	x	x	x	
4.	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x	x	x	x
5.	76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x
6.	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x	x	x	x